Ký bởi: CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
Email: banbientap@camau.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
Ngày ký: 16-08-2023 14:48:22 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Cà Mau

Số 63 **Ngày 16 tháng 8 năm 2023**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10-8-2023	Quyết định số 1409/QĐ-UBND Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, cắt giảm thời gian giải quyết; phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, trang thiết bị, công trình y tế, khám chữa bệnh, dược phẩm, mỹ phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Cà Mau	3
10-8-2023	Quyết định số 1410/QĐ-UBND Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Nhà khách Cà Mau thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	10
10-8-2023	Kế hoạch số 189/KH-UBND Thực hiện Chương trình phát triển y tế biển, đảo tỉnh Cà Mau đến năm 2030	13
11-8-2023	Quyết định số 1413/QĐ-UBND Công bố thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết; phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành; Bưu chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau	20
11-8-2023	Quyết định số 1423/QĐ-UBND Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau	27
11-8-2023	Quyết định số 1424/QĐ-UBND Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định chi tiết hết hiệu lực toàn bộ	32

11-8-2023	Kế hoạch số 192/KH-UBND Triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	34
14-8-2023	Kế hoạch số 193/KH-UBND Triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	43
14-8-2023	Quyết định số 1432/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	58

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1409/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, cắt giảm thời gian giải quyết; phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, trang thiết bị, công trình y tế, khám chữa bệnh, dược phẩm, mỹ phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 196/TTr-SYT ngày 03/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, cắt giảm thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, trang thiết bị, công trình y tế, khám chữa bệnh, dược phẩm, mỹ phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 21/01/2021; Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 *(kèm theo Danh mục).*

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều này *(kèm theo Quy trình)*. Quy trình này thay thế Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính tại thứ tự 1.1 mục 1 phần V đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 21/5/2019; tại số thứ tự 1.1 tiểu mục 1 mục I Phần A đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 03/4/2019.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và Quy trình nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM, TRANG THIẾT BỊ VÀ CÔNG TRÌNH Y TẾ, KHÁM CHỮA BỆNH, DƯỢC PHẨM - MỸ PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1409/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Sở Y tế tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ website https://dichvucong.gov.vn, Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau theo địa chỉ: website http://dichvucong.camau.gov.vn (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cắt giảm thời gian	Ghi chú
1.	1.002425.000.00.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc	*Trong thời hạn 13 ngày làm việc (cắt giảm 04/17 ngày làm việc, tỷ lệ 23,5%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.*	- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và thẩm quyền giải quyết:	*Phí thẩm định:* *1. Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ:* *- Kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023: 450.000 đồng/lần/cơ sở* *- Kể từ ngày 01/01/2024: 500.000 đồng/lần/cơ sở.* *2. Đối với cơ sở sản xuất khác:* *- Kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023: 2.250.000 đồng/lần/cơ sở.* *- Kể từ ngày 01/01/2024: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.* *3. Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:*	*Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.002425" trên Cổng Dịch vụ công

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cắt giảm thời gian	Ghi chú
		phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.	*- Phục vụ dưới 200 suất ăn:* *+ Kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023: 630.000 đồng/lần/cơ sở.* *+ Kể từ ngày 01/01/2024: 700.000 đồng/lần/cơ sở.* *- Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên:* *+ Kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023: 900.000 đồng/lần/cơ sở.* *+ Kể từ ngày 01/01/2024: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.*		Quốc gia.
2.	2.000591.000.00.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 04/16 ngày làm việc, tỷ lệ 25%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và thẩm quyền giải quyết: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.	*Phí thẩm định:* *1. Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:* *- Kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023: 900.000 đồng/lần/cơ sở.* *+ Kể từ ngày 01/01/2024: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.* *2. Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ:* *- Kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023: 450.000 đồng/lần/cơ sở.* *- Kể từ ngày 01/01/2024: 500.000 đồng/lần/cơ sở.* *3. Đối với cơ sở sản xuất khác:* *- Kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023: 2.250.000 đồng/lần/cơ sở.* *- Kể từ ngày 01/01/2024: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.*	*Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.000591" trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

QUY TRÌNH
NỘI BỘ, LIÊN THÔNG VÀ ĐIỆN TỬ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số: 1409/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế *(Mã hồ sơ: 1.002425.000.00.00.H12)*

a) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 13 ngày làm việc *(cắt giảm 07/20 ngày làm việc, tỷ lệ 35%)* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau *(trường hợp chưa có tài khoản thì Chuyên viên hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân);* nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Y tế *(Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)* để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tiếp nhận hồ sơ *(chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan),* kiểm tra, thẩm định hồ sơ, *(trường hợp hồ sơ, điều kiện chưa đáp ứng được quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân sửa đổi bổ sung)*, tham mưu thành lập Đoàn thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở. Khi hồ sơ đầy đủ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ *(nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý)* trình Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 12,5 ngày làm việc *(trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do)*.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả *(đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử)* cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện *(Mã hồ sơ: 2.000591.000.00.00.H12)*

a) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 12 ngày làm việc *(cắt giảm 08/20 ngày làm việc, tỷ lệ 40%)* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau *(trường hợp chưa có tài khoản thì Chuyên viên hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân);* nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Y tế *(Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)* để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tiếp nhận hồ sơ *(chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan),* kiểm tra, thẩm định hồ sơ, *(trường hợp hồ sơ, điều kiện chưa đáp ứng được quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân sửa đổi bổ sung),* tham mưu thành lập Đoàn thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở. Khi hồ sơ đầy đủ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ *(nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý)* trình Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 11,5 ngày làm việc *(trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).*

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả *(đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử)* cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

***Lưu ý**: Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định./.*

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH, TRỰC TUYẾN VÀ TRỰC TIẾP TẠI TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số: 1409/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính				
		Tiếp nhận và Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh		Tiếp nhận, giải quyết TTHC Trực tuyến
		Có	Không	Có	Không	
1.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.	X		X		*Thực hiện theo Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 30/3/2023*
2.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	X		X		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1410/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Nhà khách Cà Mau thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức bộ máy Nhà khách Cà Mau thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2275/TTr-VP ngày 26/7/2023 và ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 454/TTr-SNV ngày 07/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Nhà khách Cà Mau là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng và hoạt động kinh doanh dịch vụ có điều kiện thuộc ngành nghề thương mại dịch vụ.

2. Nhà khách Cà Mau có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu, được mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước Cà Mau và các tổ chức tín dụng hợp pháp để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nhà khách Cà Mau thực hiện các nhiệm vụ chính trị do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao, bao gồm:

a) Tổ chức phục vụ các cuộc họp, hội nghị, làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu;

b) Phục vụ ăn, nghỉ cho khách là đại biểu về dự các cuộc họp, hội nghị, làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tại tỉnh Cà Mau;

c) Phục vụ ăn, nghỉ cho khách Trung ương đến làm việc tại tỉnh Cà Mau; khách các tỉnh bạn, các sở, ban, ngành tỉnh khi có chủ trương;

d) Hướng dẫn, phục vụ khách của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đi tham quan, du lịch khi có chủ trương.

2. Được sử dụng cơ sở vật chất, mặt bằng, nguồn nhân lực được giao để tổ chức các hoạt động kinh doanh, dịch vụ như: ăn, nghỉ, đám tiệc và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật; được sử dụng tài sản hiện có vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết nhưng không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng, chống cháy nổ, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của khách hàng và người làm việc tại Nhà khách Cà Mau.

4. Quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Nhà khách Cà Mau: Chủ nhiệm và không quá 02 Phó Chủ nhiệm.

2. Không thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Nhà khách Cà Mau; các viên chức (nhóm viên chức) phụ trách từng lĩnh vực làm việc theo chế độ chuyên viên.

3. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần thiết phải tổ chức lại Nhà khách Cà Mau, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức lại theo quy định.

4. Số lượng người làm việc của Nhà khách Cà Mau được giao trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Nhà khách Cà Mau theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc làm việc

1. Nhà khách Cà Mau làm việc theo chế độ thủ trưởng. Chủ nhiệm là người đứng đầu Nhà khách Cà Mau, chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về mọi hoạt động của Nhà khách Cà Mau.

2. Phó Chủ nhiệm giúp Chủ nhiệm phụ trách một số lĩnh vực công tác của Nhà khách Cà Mau, chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ nhiệm vắng mặt, một Phó Chủ nhiệm được Chủ nhiệm ủy quyền điều hành toàn bộ hoạt động của Nhà khách Cà Mau.

3. Viên chức thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Viên chức và các văn bản có liên quan, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Nhà khách Cà Mau và trước pháp luật về công tác được phân công, phụ trách.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau; Chủ nhiệm Nhà khách Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 189/KH-UBND	*Cà Mau, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình phát triển y tế biển, đảo tỉnh Cà Mau đến năm 2030

Tỉnh Cà Mau nằm ở cực Nam của Tổ quốc với 3 mặt giáp với biển: phía Đông giáp với biển Đông, phía Tây và phía Nam giáp với vịnh Thái Lan, phía Bắc giáp với 2 tỉnh Bạc Liêu và Kiên Giang. Có 06 huyện ven biển; có 23 xã, thị trấn tiếp giáp với biển. Các xã: Ngọc Chánh, Quách Phẩm Bắc của huyện Đầm Dơi; xã Nguyễn Phích, xã Khánh Thuận của huyện U Minh không thuộc 23 xã, thị trấn tiếp giáp với biển. Có 03 Cụm đảo gần bờ, gồm: Cụm đảo Hòn Chuối (gồm 02 đảo: Hòn Chuối và Hòn Buông); Cụm đảo Hòn Đá Bạc (gồm 03 đảo: Hòn Ông Ngộ, Hòn Trọi và Hòn Đá Bạc); Cụm đảo Hòn Khoai (gồm 05 đảo: Hòn Khoai, Hòn Sao, Hòn Đồi Mồi, Hòn Go và Hòn Đá Lẻ).

Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ, về việc "Phê duyệt Chương trình phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2030", Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Kế hoạch với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Củng cố, tăng cường năng lực, chất lượng và khả năng cung ứng dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe quân và dân khu vực biển, đảo tỉnh; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025:

- 40% Trạm y tế xã đảo có khả năng triển khai kỹ thuật ngoại khoa tương đương bệnh viện hạng 4.

- 70% Trạm Y tế thuộc huyện, cơ sở y tế đồn biên phòng tại các xã có biển được đầu tư, nâng cấp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ trên khu vực biển, đảo.

- 70% tàu cá khai thác hải sản xa bờ được trang bị tủ thuốc và dụng cụ y tế theo quy định.

- 80% tàu vận tải biển thực hiện đầy đủ các quy định quốc tế về bảo đảm y tế biển.

- 80% người dân vùng biển, đảo được tuyên truyền, phổ biến kiến thức, huấn luyện kỹ năng dự phòng bảo vệ sức khỏe, kỹ năng tự sơ cấp cứu và vận chuyển người bị nạn đến các cơ sở cấp cứu vùng biển, đảo, xử lý môi trường, phòng chống bệnh tật; Đẩy mạnh tuyên truyền trên Internet và mạng xã hội; sử dụng các phần mềm, ứng dụng di động, hình thức trực tuyến để thông tin, phổ biến rộng rãi, nhanh chóng, hiệu quả nội dung tuyên truyền về biển, đảo Việt Nam.

- 50% cán bộ y tế được tập huấn nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan

b) Đến năm 2030:

- 70% Trạm y tế xã đảo có khả năng triển khai kỹ thuật ngoại khoa tương đương bệnh viện hạng 4.

- 100% Trạm Y tế thuộc huyện, cơ sở y tế đồn biên phòng tại các xã có biển được đầu tư, nâng cấp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ trên khu vực biển, đảo.

- 70% tàu mặt nước thuộc Bộ đội Biên phòng được trang bị đồng bộ trang thiết bị y tế cho cấp cứu đầu tiên và thực hiện cứu hộ, cứu nạn trên biển.

- 100% tàu cá khai thác hải sản xa bờ được trang bị tủ thuốc và dụng cụ y tế theo quy định.

- 100% tàu vận tải biển thực hiện đầy đủ các quy định quốc tế về bảo đảm y tế biển.

- 100% cán bộ y tế được tập huấn nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan.

- 100% người dân vùng biển, đảo được tuyên truyền, phổ biến kiến thức, huấn luyện kỹ năng dự phòng bảo vệ sức khỏe, kỹ năng tự sơ cấp cứu và vận chuyển người bị nạn đến các cơ sở cấp cứu vùng biển, đảo.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác y tế biển, đảo

a) Các địa phương có biển chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác y tế biển, đảo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

b) Các sở, ban, ngành địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ các địa phương có biển thực hiện hiệu quả công tác y tế biển, đảo.

2. Củng cố và tăng cường năng lực y tế dự phòng khu vực biển, đảo

a) Kiện toàn biên chế, tổ chức, nhân lực; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trạm y tế thuộc huyện; cơ sở y tế dự phòng của bộ đội biên phòng có biển đủ năng lực khám dự phòng, phòng, chống dịch bệnh khu vực biển, đảo.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, xử lý môi trường, sơ cấp cứu ban đầu, phòng, chống dịch bệnh, xử lý môi trường cho cán bộ, nhân viên y tế, nhân dân và người lao động khu vực biển, đảo. Bồi dưỡng, phổ biến kiến thức, văn bản pháp luật và kỹ năng tuyên truyền về biển, đảo; biên giới, đất liền và thông tin cơ sở.

c) Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh, tai nạn thương tích; quản lý chất thải y tế, ứng phó biến đổi khí hậu và các sự cố liên quan đến y tế trên khu vực biển, đảo.

3. Củng cố, tăng cường năng lực khám bệnh, chữa bệnh

a) Kiện toàn biên chế, tổ chức, năng lực theo Đề án vị trí việc làm ban hành kèm theo Thông tư số 03/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo Quyết định số 01/QĐ-BYT ngày 21/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế nhằm bảo đảm đủ năng lực cấp cứu, thu dung, điều trị phù hợp đặc thù vùng biển đảo.

b) Các bệnh viện tuyến tỉnh xây dựng các mô hình trợ giúp y tế từ xa đến các bệnh viện, trung tâm y tế huyện, bệnh xá quân y và nhà giàn để thực hiện nhiệm vụ cấp cứu, điều trị cho người bệnh trên khu vực biển đảo.

c) Trang bị tủ thuốc, trang thiết bị y tế cho tàu biển, lực lượng dân quân tự vệ biển, tàu cá khai thác hải sản xa bờ theo các quy định quốc gia và quốc tế.

d) Ban hành các hướng dẫn về chẩn đoán, cấp cứu, điều trị đặc thù cho khu vực biển đảo.

4. Nâng cao năng lực cấp cứu, vận chuyển người bệnh

a) Đầu tư trang thiết bị, nhân lực, xây dựng các phương án, quy chế phối hợp giữa các tổ cấp cứu 115 thuộc các bệnh viện trong toàn tỉnh với phối hợp lực lượng Bộ đội Biên phòng và các tàu tìm kiếm, cứu nạn.

b) Trang bị đồng bộ trang thiết bị y tế cấp cứu đầu tiên và thực hiện cứu hộ, cứu nạn trên biển; Bộ đội Biên phòng và các tàu tìm kiếm cứu nạn.

c) Cải tạo, nâng cấp một số phương tiện hiện có của các sở, ban, ngành, địa phương để có khả năng cấp cứu, vận chuyển người bệnh. Trang bị đủ phương tiện cấp cứu, vận chuyển cho bệnh viện, trung tâm y tế huyện.

d) Tổ chức, huấn luyện các tổ y tế cơ động cấp tỉnh (tổ cấp cứu 115) thuộc các bệnh viện tuyến tỉnh, cấp huyện thuộc các bệnh viện huyện ven biển, lực lượng dân quân tự vệ biển, lực lượng bán chuyên trách, lực lượng huy động ở các sở, ban, ngành kinh tế biển sẵn sàng tham gia cấp cứu, vận chuyển người bệnh.

5. Phát triển nguồn nhân lực y tế cho khu vực biển, đảo

a) Nghiên cứu, đề xuất về tổ chức, biên chế, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đặc thù cho nhân lực y tế biển, đảo.

b) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về y học biển; đào tạo, đào tạo lại về y học biển cho cán bộ y tế và các lực lượng làm việc trên khu vực biển, đảo.

c) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về y học biển.

d) Nâng cao chất lượng công tác huấn luyện cấp cứu biển; đào tạo kiến thức y học đặc thù biển, đảo cho lực lượng quân y thay phiên làm nhiệm vụ tại trạm y tế xã có biển, đảo và các tàu làm nhiệm vụ trên biển.

6. Xây dựng các định mức, tiêu chuẩn đặc thù cho y tế biển, đảo

a) Nghiên cứu, ban hành định mức đầu tư, tiêu chuẩn hạ tầng, công trình phụ trợ cho các cơ sở y tế phù hợp với quy mô dân số, diện tích và điều kiện khí hậu biển, đảo.

b) Nghiên cứu, ban hành quy định về danh mục trang thiết bị y tế, phương tiện vận chuyển, thời gian khấu hao, điều kiện bảo quản trên biển, đảo; danh mục, phương thức đóng gói các cơ số chuyên dụng phục vụ cấp cứu, điều trị, vận chuyển người bệnh phù hợp với đặc thù biển, đảo.

c) Cập nhật quy định về tiêu chuẩn sức khỏe cho các đối tượng làm việc trong các ngành nghề, hoạt động đặc thù khu vực biển, đảo.

7. Tăng cường truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người dân khu vực biển, đảo

a) Đầu tư nhân lực, trang thiết bị, phương tiện truyền thông để thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe trên khu vực biển, đảo.

b) Ban hành tài liệu, tổ chức các sự kiện truyền thông, các hoạt động truyền thông cho người dân làm việc và sinh sống trên khu vực biển, đảo.

c) Truyền thông trang bị kiến thức cho người dân vùng biển, đảo có kiến thức cơ bản để tự bảo vệ sức khỏe; biết tự sơ cấp cứu và đưa người bị nạn đến các cơ sở cấp cứu vùng biển, đảo và các kiến thức pháp luật về y tế biển, đảo.

d) Duy trì, nâng cấp cơ sở dữ liệu tuyên truyền về biển, đảo trên chuyên trang "Chủ quyền biển, đảo Việt Nam" trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

đ) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có Cổng/Trang thông tin điện tử đặt logo, banner, liên kết đến chuyên trang "Chủ quyền biển, đảo Việt Nam".

e) Hướng dẫn, chỉ đạo hệ thống truyền thanh cấp huyện và cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền về biển, đảo tại địa phương theo phương châm "Dễ nhớ, dễ hiểu, đi vào thực chất".

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch hằng năm triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược; xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ và lộ trình chi tiết thực hiện đối với các nhiệm vụ có liên quan theo nội dung Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát hoạt động của các ngành, các cấp; đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của chương trình phát triển Y tế biển, đảo.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố và các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động, điều phối nguồn lực và kế hoạch phân bổ ngân sách hằng năm cho hoạt động công tác y tế biển, đảo; chú trọng đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và sự tham gia của toàn xã hội vào công tác y tế biển, đảo.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện, hướng dẫn, chỉ đạo công tác tuyên truyền về biển, đảo.

- Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án chuyên môn y tế thuộc phạm vi, nhiệm vụ của ngành và thực hiện nghiêm các quy định pháp luật liên quan đến công tác y tế biển, đảo; tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về công tác y tế biển, đảo.

- Định kỳ sơ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Phát triển y tế biển, đảo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân để kịp thời chỉ đạo bổ sung, sửa đổi nhiệm vụ và các giải pháp phù hợp.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Triển khai các hoạt động cho công tác y tế biển, đảo đến cán bộ, chiến sĩ phù hợp với đặc thù của ngành; tăng cường các hoạt động cho công tác y tế biển, đảo cho chiến sĩ mới thông qua chương trình giáo dục các hoạt động y tế biển, đảo.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế mở rộng hoạt động mô hình quân dân y kết hợp nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức y tế biển, đảo, triển khai tư vấn, chăm sóc, điều trị cho người dân tại các khu vực biên giới trên biển, những khu vực có điều kiện đi lại khó khăn của tỉnh.

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch để thực hiện các dự án, chương trình liên quan đến huy động lực lượng, phương tiện bay, tàu biển để vận chuyển cấp cứu và tìm kiếm cứu nạn trên biển, đảo.

3. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và bố trí kinh phí cho các hoạt động cho công tác y tế biển, đảo của các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo Công an các cấp hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự đối với các hoạt động và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến công tác y tế biển, đảo.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công phù hợp để thực hiện Chương trình theo thẩm quyền hằng năm.

5. Sở Tài chính

- Trên cơ sở số liệu tổng hợp của Sở Y tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất tình hình huy động và sử dụng kinh phí cho công tác y tế biển, đảo, bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, sử dụng có hiệu quả kinh phí và tuân thủ các quy định hiện hành.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch thông tin, truyền thông, hướng dẫn cơ quan thông tin đại chúng, bảo đảm hệ thống thông tin thông suốt hỗ trợ cấp cứu, điều trị từ xa.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu nội dung tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về biển, đảo và các nội dung liên quan tuyên truyền về biển, đảo Việt Nam, giáo dục sức khỏe trên khu vực biển, đảo.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền công tác y tế biển, đảo tại các cơ sở thuộc quyền quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra công tác y tế biển, đảo cho người lao động tại nơi làm việc.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, chỉ đạo triển khai công tác y tế biển, đảo trong các trường học; lồng ghép các nội dung giáo dục về y tế biển, đảo đưa vào chương trình chính khóa và sinh hoạt ngoại khóa theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì rà soát, bổ sung các tiêu chí về công tác y tế biển, đảo vào hương ước, quy ước và phong trào xây dựng gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa; tại cộng đồng dân cư gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

10. Sở Nội vụ

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ, viên chức làm nhiệm vụ công tác y tế biển, đảo theo quy định.

11. Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên đưa nội dung tuyên truyền về y tế biển, đảo vào các chương trình thông tin truyền thông nhằm nâng cao chất lượng nội dung và thời lượng các chương trình, tin, bài về công tác y tế biển, đảo.

12. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Thực hiện chi trả các dịch vụ khám chữa bệnh HIV/AIDS qua hệ thống bảo hiểm y tế đối với người bệnh ở khu vực biển, đảo có thẻ bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia bảo hiểm y tế.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các quy định liên quan đến công tác y tế biển, đảo; giám sát việc thực hiện Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

14. Các sở, ban, ngành

Các sở, ban, ngành chủ động lồng ghép các nội dung của Chương trình vào các kế hoạch, hoạt động, triển khai thực hiện phù hợp tình hình thực tế của đơn vị.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, xã có biển, đảo

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc điểm tình hình cụ thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển y tế biển, đảo vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ động bổ sung nguồn lực địa phương và huy động xã hội hóa cho công tác y tế biển, đảo, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức hoạt động y tế biển, đảo các cấp. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện công tác y tế biển, đảo. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện của địa phương và báo cáo theo quy định.

16. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện hằng năm báo cáo định kỳ tình hình, kết quả thực hiện (trước ngày 15/12) gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1413/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết; phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành; Bưu chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 109/TTr-STTTT ngày 08/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố cắt giảm thời gian giải quyết đối với một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành; Bưu chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 *(kèm theo Danh mục)*.

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều này *(kèm theo Quy trình)*. Quy trình này thay thế các Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, phần I và số thứ tự 1, phần II đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 14/10/2022.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và Quy trình nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TRONG LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH, BƯU CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1413/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

CÁCH THỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau); hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ website https://dichvucong.gov.vn, Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau theo địa chỉ: website http://dichvucong.camau.gov.vn (nếu đủ điều kiện theo quy định).

2. Thời gian tiếp nhận: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cắt giảm thời gian giải quyết	Ghi chú
1	1.003868.000.00.00.H12	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	*Trong thời hạn 07 ngày làm việc (cắt giảm 02/09 ngày làm việc, tỷ lệ 22,22%)*	- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; - Cơ quan, đơn vị thực hiện, thẩm quyền quyết định: Sở Thông tin và Truyền thông.	+ Tài liệu in trên giấy: 15.000 đồng/trang quy chuẩn; + Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 6.000 đồng/phút; + Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 27.000 đồng/phút.	*Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.003868" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cắt giảm thời gian giải quyết	Ghi chú
2	1.004470.000.00.00.H12	Cấp văn bản Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	*Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 40%)*	- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; - Cơ quan, đơn vị thực hiện, thẩm quyền quyết định: Sở Thông tin và Truyền thông.	- Phí thẩm định đối với doanh nghiệp nội tỉnh: 1.250.000 đồng/lần. - Phí thẩm định đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt nam: 1.000.000 đồng/lần.	*Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004470" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Tổng số Danh mục có 02 thủ tục hành chính./.

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH, TRỰC TUYẾN VÀ TRỰC TIẾP TẠI TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: 1413/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính				
		Tiếp nhận và Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh		Tiếp nhận, trả kết quả trực tuyến
		Có	Không	Có	Không	Thực hiện theo Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 30/3/2023
		02	0	02	0	
1	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Cấp địa phương)	X		X		
2	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	X		X		

Tổng cộng Danh mục có 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh./.

QUY TRÌNH
NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH; BƯU CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1413/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

Thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Cấp địa phương) *(Mã số hồ sơ: 1.003868.000.00.00.H12)*

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc *(cắt giảm 02/09 ngày làm việc, tỷ lệ 22,22%)* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau *(trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân)*; nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Thông tin và Truyền thông *(Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản)* để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản tiếp nhận hồ sơ *(chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan),* tổng hợp, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ *(nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý),* tham mưu trình Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 6,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả *(đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử)* cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

II. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH

Thủ tục: Cấp văn bản Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính *(Mã số hồ sơ: 1.004470.000.00.00.H12)*

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc *(cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 40%)* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công

quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau *(trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân)*; nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Thông tin và Truyền thông *(Phòng Công nghệ Thông tin - Bưu chính - Viễn Thông)* để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Công nghệ Thông tin - Bưu chính - Viễn Thông tiếp nhận hồ sơ *(chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan)*, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ *(nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý)* trình Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên theo quy định: 2,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả *(đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử)* cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

Lưu ý: *Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện hết các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định./.*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1423/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 65/TTr-BCĐ ngày 18/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau".

Điều 2. Trưởng Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế hoạt động ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; thành viên Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau và Tổ Chuyên viên giúp việc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Quyết định số: 1423/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định nguyên tắc hoạt động, phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau *(sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).*

Điều 2. Quy chế này áp dụng cho các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ Chuyên viên giúp việc. Các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo, thực hiện và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ được phân công.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Cà Mau; giúp việc cho Ban Chỉ đạo là Tổ Chuyên viên theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phần II
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO

Điều 4. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch*).

3. Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; quyết định những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

4. Triệu tập các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo để giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm của Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Giúp Trưởng ban trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo để triển khai thực hiện Kế hoạch và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về phần nhiệm vụ được phân công.

2. Thay mặt Trưởng ban Chỉ đạo chủ trì, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo khi được Trưởng ban Chỉ đạo ủy quyền; chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo theo sự ủy quyền của Trưởng ban Chỉ đạo.

3. Thừa ủy quyền của Trưởng ban Chỉ đạo xử lý các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo.

4. Tham mưu giúp Trưởng ban Chỉ đạo phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Đề xuất, bố trí kinh phí cho hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo.

6. Giúp Trưởng ban Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp hàng năm của Ban Chỉ đạo.

7. Kiểm tra, báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ và sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai Kế hoạch.

8. Được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Trách nhiệm của Phó Trưởng ban Chỉ đạo

1. Tham mưu, đề xuất Trưởng ban các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện các Kế hoạch khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Phối hợp với Phó Trưởng ban Thường trực trong xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm, nhiệm vụ đột xuất.

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; thực hiện các nhiệm vụ được Trưởng ban Chỉ đạo phân công và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao.

4. Được sử dụng con dấu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Trách nhiệm của các Thành viên Ban Chỉ đạo

1. Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Chỉ đạo về việc tham mưu các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến việc triển khai Kế hoạch.

2. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao có liên quan đến đơn vị mình đang công tác trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

3 Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các chủ trương, cơ chế, chính sách; triển khai các chương trình, giải pháp,… thực hiện Kế hoạch tùy theo chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến đơn vị đang công tác.

4. Tham gia đề xuất với Trưởng ban Chỉ đạo về các cuộc họp Ban Chỉ đạo và nội dung các cuộc họp khi cần thiết.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng ban Chỉ đạo.

Điều 8. Trách nhiệm của Tổ Chuyên viên

1. Chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Thường trực Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện các nội dung có liên quan đến vấn đề Hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Thường xuyên theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch của tỉnh, tổng hợp, xây dựng báo cáo, đề xuất, dự thảo kế hoạch, chương trình hoạt động, triển khai nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện đến Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách.

3. Chuẩn bị nội dung, ghi biên bản kết luận chỉ đạo các cuộc họp của Ban Chỉ đạo và các cuộc họp của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Thường trực làm việc với các ngành, đơn vị trong và ngoài tỉnh.

4. Là đầu mối tiếp nhận, tư vấn, xem xét tính khả thi của các ý tưởng, các dự án khởi nghiệp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

Phần III
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 9. Chế độ làm việc

Thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên giúp việc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Ban Chỉ đạo họp định kỳ 6 tháng/lần; trường hợp cần thiết, Trưởng ban Chỉ đạo quyết định triệu tập họp đột xuất; thành phần tham dự cuộc họp đột xuất do Trưởng ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các thành viên thảo luận, đóng góp ý kiến, Trưởng ban (hoặc Phó Trưởng ban Thường trực chủ trì hội nghị) kết luận.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo phải tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo yêu cầu; trường hợp không thể tham dự được phải báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì cuộc họp.

3. Trưởng ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng ban Thường trực ký các văn bản có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo theo chức năng, thẩm quyền được giao.

Điều 11. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo theo các hình thức: Báo cáo trực tiếp, báo cáo bằng văn bản, báo cáo thông qua các phiên họp định kỳ và đột xuất. Nội dung báo cáo gồm những vấn đề sau:

a) Tình hình thực hiện những công việc được phân công phụ trách.

b) Nội dung và kết quả các hội nghị, cuộc họp khi được Trưởng ban Chỉ đạo ủy quyền tham dự hoặc chỉ đạo các hội nghị đó.

c) Kết quả làm việc và những kiến nghị của sở, ban, ngành, địa phương hoặc khi tham gia làm việc với các cá nhân tổ chức khác.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch thường xuyên phối hợp chặt chẽ và báo cáo định kỳ về Ban Chỉ đạo và theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Trung ương khi cần thiết.

3. Thành viên được phân công có trách nhiệm xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, hàng năm và cả giai đoạn,… gửi xin ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo trước khi trình Trưởng ban ký ban hành.

Điều 12. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do ngân sách Nhà nước cấp; việc sử dụng, thanh quyết toán kinh phí được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Trưởng ban Chỉ đạo có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích và đảm bảo đạt hiệu quả nguồn kinh phí chi cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Phần IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương và tổ chức có thành viên tham gia Ban Chỉ đạo, có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi để thành viên thuộc ngành mình thực hiện tốt nhiệm vụ chung của Ban Chỉ đạo và nhiệm vụ cụ thể do Trưởng ban Chỉ đạo giao.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trưởng ban Chỉ đạo, Phó Trưởng ban Chỉ đạo có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo có những vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các thành viên báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1424/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định chi tiết hết hiệu lực toàn bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 173/TTr-STC ngày 18 tháng 7 năm 2023 và ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định chi tiết hết hiệu lực toàn bộ *(kèm theo Danh mục).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực toàn bộ

(Kèm theo Quyết định số: 1424/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	28/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	Sửa đổi một số điều của Quy định về lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.	Thực hiện khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 và Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hiện nay, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 61/2022/TTBTC thay thế Thông tư số 74/2015/TT-BTC, dẫn đến Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 và Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND hết hiệu lực.	20/11/2022
2	Quyết định	36/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015	Ban hành Quy định về lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 192/KH-UBND	*Cà Mau, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Kế hoạch số 178-KH/TU ngày 26/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Đổi mới phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; giúp người lao động tham gia hiệu quả vào thị trường việc làm, có thu nhập ổn định, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nhân lực của tỉnh; nhất là nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ logistics, năng lượng tái tạo, cảng biển, chuyển đổi số,... trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề, có công nghiệp hiện đại, bảo đảm về quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Phấn đấu đến năm 2030 thu hút khoảng 40 - 45% học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

- Tuyển mới đào tạo nghề cho khoảng 28.000 người/năm; đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 35% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%. Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

- 100% trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh, đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập trên địa bàn tỉnh đạt 50% vào năm 2030.

- Phát triển 100% nhà giáo đạt chuẩn theo quy định; 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao các kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phát triển có 01 trường cao đẳng đạt trường chất lượng cao, trình độ đào tạo tương đương trình độ các nước ASEAN-4; hệ thống ngành, nghề trọng điểm quốc gia trên địa bàn tỉnh được đầu tư đồng bộ đáp ứng tổ chức đào tạo tại trường cao đẳng chất lượng cao, trong đó 02 đến 03 ngành, nghề, lĩnh vực có năng lực cạnh tranh vượt trội trong nước.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

- Giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao; trở thành địa phương phát triển về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực, bắt kịp trình độ tiên tiến của ASEAN, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo trong nước và quốc tế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển nhân lực trong giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, đào tạo kỹ năng nghề tại nơi làm việc.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp để huy động sự tham gia của xã hội trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp, góp phần thực hiện thành công đột phá đổi mới giáo dục nghề nghiệp về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp với các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2030 để tạo thuận lợi phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, trong đó chú trọng hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số,… và lao động thất nghiệp, thiếu việc để tìm việc làm, hòa nhập thị trường lao động.

- Nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: thực hiện đánh giá hoạt động mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hằng năm, 05 năm để xem xét tổ chức lại mạng lưới, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ phù hợp, hiệu quả; nâng cao hiệu quả đầu tư; tăng cường kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, thực hiện kiểm định chất lượng ngành nghề đào tạo nhất là các nghề trọng điểm; khuyến khích cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập đạt chuẩn kiểm định chất lượng; ưu tiên đặt hàng đào tạo đối với trường

đạt tiêu chuẩn kiểm định, một số ngành nghề thị trường có nhu cầu cao, ngành nghề cần thiết cho sự phát triển nhưng khó tuyển sinh, nghề nặng nhọc, độc hại… mà ít cơ sở đào tạo hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập không đào tạo.

2. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

- Đa dạng hóa, linh hoạt các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục nghề nghiệp. Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo trong công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp; xây dựng chuyên trang, chuyên mục về giáo dục nghề nghiệp, phát thanh tại khu vực nông thôn, bảo đảm thông tin tin cậy, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp quốc gia về giáo dục nghề nghiệp, ngày kỹ năng lao động Việt Nam, tuần lễ kỹ năng nghề... tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức các chương trình, sự kiện, cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

- Tiếp cận nhanh chóng và nâng cao năng lực chuyển đổi số của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục nghề nghiệp từ cơ sở đào tạo đến cơ quan quản lý cấp huyện, tỉnh theo cơ sở dữ liệu chung của quốc gia.

- Tích cực ứng dụng các nền tảng số để triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các trình độ trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tham gia phát triển kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo, dùng chung toàn ngành và liên kết với quốc tế theo chỉ đạo của cơ quan quản lý trung ương.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn nghề theo các cấp độ và trình độ đào tạo phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề bậc 1, bậc 2 theo khung trình độ quốc gia; đào tạo kỹ năng nghề cho các đối tượng được hỗ trợ học nghề thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn từ năm 2021 - 2030.

- Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp tất cả các ngành nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng để phát triển chương trình đào tạo, khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp; tích cực phát triển học nghề tại nơi làm việc; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động.

- Xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo và thực hiện chuẩn đầu ra theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam có tham chiếu các chuẩn khu vực và quốc tế. Liên thông trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu. Phát triển chương trình đào tạo các ngành, nghề mới, ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học ở trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng. Trong đó, tích cực triển khai đồng bộ xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức triển khai đào tạo nhân lực đạt chuẩn kỹ năng nghề quốc gia các nghề gắn với dịch vụ du lịch.

- Tham gia thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số và phát triển bền vững. Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

- Ưu tiên đầu tư trường cao đẳng để đạt 01 trường chất lượng cao, nghề có thế mạnh của tỉnh đạt trình độ tương đương các nước ASEAN-4, trong đó đầu tư trọng tâm các nhóm nghề du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin để đạt từ 2 đến 3 ngành nghề đào tạo có năng lực cạnh tranh vượt trội trong nước và khu vực.

4. Phát triển đội ngũ nhà giáo, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ nghệ nhân, người có kỹ năng nghề giỏi được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp. Tích cực cử cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng quản lý, quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các khóa bồi dưỡng về kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác kiểm định, đảm bảo chất lượng tại các các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Định kỳ, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các huyện, thành phố, cán bộ quản lý các tổ chức tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

5. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Xây dựng mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thị trường lao động, trong đó chú trọng 100% các nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng phối hợp với ít nhất 01 doanh nghiệp phù hợp với nghề đào tạo.

- Định kỳ hằng năm tổ chức đối thoại "3 nhà": nhà nước - nhà trường - nhà doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến chính sách trong giáo dục nghề nghiệp và tăng sự gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Phối hợp với các huyện, thành phố, hội nghề nghiệp, khu công nghiệp,… tổ chức hội nghị cung ứng nhân lực đáp ứng thị trường lao động từng địa phương, người sử dụng lao động.

- Tăng cường gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp với trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm,… nhằm kết nối thị trường lao động, hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi kỹ năng nghề các cấp. Khuyến khích doanh nghiệp, hội nghề nghiệp tham gia đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động không ngừng học tập nâng cao kỹ năng nghề, phát triển cạnh tranh kỹ năng nghề nghiệp trên thị trường lao động.

6. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp và các tổ chức khoa học - công nghệ về giáo dục nghề nghiệp. Hình thành trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại trường cao đẳng chất lượng cao.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động, gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp.

- Tích cực phối hợp hoạt động tư vấn hướng nghiệp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông thông qua chương trình tư vấn nghề nghiệp với thị trường lao động, hoạt động tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, trải nghiệm nghề nghiệp tại doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm, xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

7. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

- Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp, nguồn tài chính công đoàn, nguồn tài chính của các tổ chức chính trị - xã hội, các quỹ hợp pháp khác để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng và số lượng đầu ra.

8. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

- Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong việc tiếp nhận chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế.

- Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các nước, các tổ chức quốc tế phù hợp với chương trình hợp tác giáo dục nghề nghiệp của quốc gia; đẩy mạnh triển khai các thỏa thuận, chương trình hợp tác với đối tác quốc tế, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong việc hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn, hiệp hội khu vực, quốc tế về giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hóa các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế.

III. KINH PHÍ

1. Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh cấp, bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn vốn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

2. Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo phù hợp trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức tuyển sinh, đào tạo nghề hằng năm; đổi mới toàn diện hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiệu quả, lấy người học làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động; thực hiện chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Chỉ đạo, hướng dẫn các trường cao đẳng xây dựng các dự án đầu tư trường chất lượng cao, đầu tư ngành, nghề trọng điểm.

- Giao Trung tâm Dịch vụ việc làm phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động; tích cực cung ứng lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp; thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm, sàn giao dịch việc làm tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận thông tin tuyển dụng lao động của doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm phù hợp với tay nghề được đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động đã qua đào tạo.

- Tham mưu cơ chế, chính sách phù hợp để học sinh là dân tộc thiểu số tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông được học nghề, đào tạo nghề và tìm được việc làm tại tỉnh; đề xuất cơ chế hỗ trợ cho học sinh là dân tộc thiểu số trong trường dân tộc nội trú trúng tuyển đại học, cao đẳng những ngành, nghề mà tỉnh khuyến khích, thu hút dân tộc thiểu số sau tốt nghiệp vào làm việc tại các doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động hướng nghiệp trong các các chương trình giáo dục phổ thông; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tham gia học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí vốn thực hiện các dự án, công trình thuộc Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách, bố trí kinh phí cho các hoạt động giáo dục nghề nghiệp hàng năm theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn; cụ thể hóa Kế hoạch vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì và phối hợp với sở, ngành thông báo đến các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp về giáo dục nghề nghiệp.

7. Sở Thông tin và truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống đài truyền thanh cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức nhằm thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

8. Sở Nội vụ

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện tuyển dụng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp từng bước đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp về chuyên môn nghiệp vụ; phối hợp rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm cầu nối, kết nối giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp và ký kết hợp đồng đào tạo nhân lực giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện quyền và trách nhiệm trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động, việc làm và giáo dục nghề nghiệp.

10. Ban Dân tộc

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp tại vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa phương.

11. Đề nghị Tỉnh đoàn

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, lồng ghép tổ chức thực hiện phù hợp với Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 và Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đào tạo nghề trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển và nâng cao chất lượng nghề nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, kiểm tra hoạt động đào tạo nghề nghiệp trong các doanh nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách đào tạo nghề nghiệp cho các đối tượng được hưởng chính sách ở địa phương, bảo đảm chính sách thực hiện đúng mục đích, đúng đối tượng.

13. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Căn cứ chỉ tiêu đào tạo hàng năm, tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo và liên kết tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo đúng theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp và việc làm.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động theo vùng, địa phương; tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, truyền thông về giáo dục nghề nghiệp của cơ sở. Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp thông qua nhiều kênh thông tin, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung đảm bảo tuyển đủ chỉ tiêu theo kế hoạch hàng năm. Phối hợp với các địa phương, các tổ chức đoàn thể, các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, tăng cường tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật, cải cách hành chính, thực hiện chuyển đổi số và đổi mới phương thức đào tạo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ hoạt động dạy và học; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; thúc đẩy nghiên cứu khoa học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng cho học sinh, sinh viên; tăng cường hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hình thức đào tạo theo hợp đồng hoặc phối hợp, đặt hàng giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động đào tạo.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Hội giảng, Hội thi và các hoạt động: Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Hội thi thiết bị đào tạo nghề tự làm; Kỳ thi tay nghề học sinh, sinh viên; hoạt động khởi nghiệp để tạo thành chuỗi hoạt động, lan tỏa giá trị của kỹ năng nghề nói riêng và giáo dục nghề nghiệp nói chung.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện Kế hoạch nêu trên đảm bảo hiệu quả, thiết thực và đúng quy định. Quá trình thực hiện, Kế hoạch này có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế; trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 193/KH-UBND	*Cà Mau, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, để trở thành động lực của nền kinh tế.

2. Yêu cầu

a) Xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của từng ngành, từng cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu về phát triển doanh nghiệp; đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và các quan điểm, định hướng, chủ trương, chính sách được đề ra trong Nghị quyết số 58/NQ-CP của Chính phủ.

b) Hỗ trợ tối đa cho các doanh nghiệp phát triển, xem việc tháo gỡ các rào cản, khó khăn cho doanh nghiệp là nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Khơi thông các điểm nghẽn với phương châm "sớm nhất, hiệu quả nhất", huy động, giải phóng các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển.

c) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, thuận lợi, an toàn và thân thiện; đơn giản hóa khâu tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm dựa trên tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng, minh bạch, hợp lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp trọng tâm, trọng điểm, đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh

tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và kinh doanh bền vững; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp có khả năng dẫn dắt trong một số ngành, lĩnh vực tiềm năng tạo động lực tăng trưởng mới và thực hiện các mục tiêu bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp chủ động thích ứng với tình hình mới, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục hồi nhanh, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và cả nước; lớn mạnh về số lượng và chất lượng, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2025:

a) Có khoảng 6.000 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; trong đó có 200 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

b) Khu vực doanh nghiệp đóng góp khoảng 65-70% GRDP của tỉnh, khoảng 30-35% tổng việc làm, trên 90% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu.

c) Khoảng 35-40% tổng số doanh nghiệp có hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

d) 100% cơ sở kinh doanh bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; có khoảng 250-300 cơ sở kinh doanh được hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số.

đ) Có 01-02 doanh nghiệp được xếp vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới.

e) 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

g) 80% doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

A. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai trong ngắn hạn

1. Khẩn trương tháo gỡ các vướng mắc, rào cản về pháp lý nhằm khơi thông nguồn lực cho đầu tư sản xuất, kinh doanh

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì thực hiện rà soát, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, chưa triển khai hoặc đang triển khai chậm tiến độ nhằm khơi thông nguồn lực đầu tư cho sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế; đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư.

- Chủ trì rà soát, tạo điều kiện xử lý nhanh các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy,… đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn đã đáp ứng đủ điều kiện để nhà đầu tư triển khai theo quyết định đầu tư được phê duyệt, sớm hoàn thành và đưa sản phẩm ra thị trường.

b) Sở Xây dựng:

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn về pháp lý, thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án bất động sản; tiếp tục giám sát chặt chẽ hoạt động của thị trường bất động sản và việc huy động vốn của các doanh nghiệp bất động sản.

- Triển khai thực hiện thông tin dự án nhà ở xã hội để phục vụ việc công bố danh mục dự án trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở để các ngân hàng xem xét cho vay vốn ưu đãi theo chỉ đạo tại Công văn số 1551/BXD-QLN ngày 20/4/2023 của Bộ Xây dựng; tổ chức làm việc với các chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh về tình hình thực hiện dự án, khó khăn, vướng mắc, tăng cường công tác quản lý tiến độ các dự án định kỳ hàng tháng, quý.

c) Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì, phối hợp đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống giao thông nông thôn phục vụ cho nông nghiệp, giúp trao đổi, lưu thông hàng hóa, phát triển và mở rộng vùng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung; đặc biệt các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh kết nối khu vực, tỉnh lân cận (nâng cấp sân bay, đường cao tốc, đường thủy…).

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và địa phương đẩy mạnh và thực hiện quyết liệt các giải pháp khắc phục "thẻ vàng" IUU của Liên minh Châu Âu, bao gồm việc cải tiến quy định ghi nhật ký và số hóa quy trình kiểm tra - cấp xác nhận, chứng nhận khai thác.

- Triển khai thực hiện mô hình xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ, xử lý 20 tấn phụ phẩm/20 hộ/điểm.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về An toàn sinh học trong sản xuất, ương dưỡng cho các kỹ thuật viên tại các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản cấp 500 Chứng chỉ/Chứng nhận cho 500 học viên.

đ) Chi cục Hải quan tỉnh:

Nghiên cứu, đơn giản hóa tối đa các quy trình hành chính hiện tại hoặc xem xét áp dụng các quy trình xuất, nhập khẩu ưu tiên để hỗ trợ các doanh nghiệp tối ưu thời gian, chi phí ở các khâu thực hiện trong nước nhằm đẩy nhanh quy trình, thủ tục nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu và đẩy nhanh xuất khẩu các sản phẩm nông sản, các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

e) Công an tỉnh:

Rà soát tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp mà vẫn phải bảo đảm tuyệt đối an toàn; chỉ đạo quyết liệt đấu tranh với tội phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen.

g) Thanh tra tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan rà soát, chấn chỉnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra

đối với doanh nghiệp; đặc biệt giảm triệt để việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, một năm không thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/01 doanh nghiệp hoặc cơ sở (trừ trường hợp có dấu hiệu bất thường).

2. Hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước

a) Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí hàng năm triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp; hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước vốn chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

b) Cục Thuế tỉnh:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất, thuê mặt nước để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện tốt chính sách miễn, giảm tiền thuế, gia hạn và khoanh nợ thuế theo quy định.

c) Sở Xây dựng:

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý dự án, quản lý chi phí, định mức xây dựng, vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng thi công và hợp đồng xây dựng.

- Công bố giá các loại vật liệu xây dựng phổ biến trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng; thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến thị trường xây dựng để kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng.

d) Sở Công Thương, Cục Quản lý thị trường tỉnh:

- Thực hiện các giải pháp bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu thị trường hàng hóa; tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, cạnh tranh không lành mạnh, góp phần ổn định thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường kinh doanh xăng dầu; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các chương trình, đề án khuyến công địa phương và quốc gia để hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến áp dụng trong sản xuất.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh:

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tập trung vốn tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích phát triển theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ lãi suất 2%/năm từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Chương trình tiếp tục gia hạn, cơ cấu thời hạn trả nợ đối với các doanh nghiệp còn khó khăn sau khi hết thời gian trả nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và triển khai gói tín dụng 15.000 tỷ đồng hỗ trợ doanh nghiệp lâm, thủy sản theo hướng dẫn tại Công văn số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh; các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động ngân hàng để áp dụng các mô hình kinh doanh mới và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ tiện ích, an toàn đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

3. Khắc phục đứt gãy chuỗi cung ứng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước

Sở Công Thương triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm, liên kết, hợp tác mở rộng các kênh phân phối hàng hóa với nhiều hình thức; hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng thương mại điện tử trong tiếp cận thị trường. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 và Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tạo cơ hội, ổn định việc làm cho người lao động; đẩy mạnh triển khai chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động

a) Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì:

- Đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nông thôn phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đào tạo chuyển đổi nghề; đào tạo để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp, đào tạo tại doanh nghiệp; đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề để tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên. Trong đó, chú trọng hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp; đào tạo lại, đào tạo chuyển đổi và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho lao động nông thôn từ nguồn kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hỗ trợ phát triển cung - cầu lao động. Triển khai thực hiện chính sách, chương trình hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động. Hỗ trợ phát triển mạng lưới an sinh và bảo hiểm. Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động. Hỗ trợ kết nối thị trường lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước, phát triển các thị trường lao động đặc thù.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy nhanh tiến độ giải ngân gói hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp trong quy trình quản lý và xét duyệt hồ sơ trên hệ thống trực tuyến, tạo thuận lợi cho người lao động và doanh nghiệp thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

b) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã tỉnh:

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi đối với đối tượng ưu tiên tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

B. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong trung và dài hạn

1. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

a) Các Sở, ngành, địa phương:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Đề án cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công tác đặc biệt của Ủy ban nhân dân tỉnh về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ.

c) Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp:

Chủ trì, phối hợp tổ chức gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp định kỳ (Cà phê kết nối doanh nghiệp) theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp gặp gỡ lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành nhằm trao đổi, nắm bắt những vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp kịp thời có giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

d) Sở Tư pháp:

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

a) Sở Thông tin và Truyền thông

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, năng lực và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, định hướng đến năm 2030.

b) Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, huy động nguồn lực của xã hội; tham mưu xây dựng Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Hỗ trợ tái cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp 4.0

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực hàng năm triển khai hoạt động hỗ trợ đào tạo, tư vấn khởi nghiệp kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp; nâng cao kỹ năng, chuyển đổi ngành, nghề cho người lao động.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức các phiên giao dịch việc làm, hỗ trợ người sử dụng lao động tuyển dụng bằng hình thức trực tuyến; tổ chức các hoạt động kết nối, giao dịch việc làm có sự liên kết giữa các địa phương trong vùng, liên vùng hoặc trên toàn quốc; đầu tư hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến hiện đại để trực tiếp kết nối giữa người lao động, người sử dụng lao động, không bị rào cản về không gian địa lý.

- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp, chính sách, chương trình đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghề nghiệp cho doanh nghiệp.

4. Tăng cường thực hiện triển khai hiệu quả các chính sách và nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập quốc tế, nắm bắt và đón đầu các xu hướng kinh doanh mới, xu hướng thị trường mới

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; triển khai thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 và giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Sở Công Thương đẩy mạnh triển khai với đa dạng hóa hình thức các chương trình xúc tiến thương mại, khuyến công, xây dựng thương hiệu của tỉnh; tăng cường đào tạo, tư vấn, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại tự do, nắm vững các yêu cầu, điều kiện kỹ thuật, kinh doanh bền vững, giảm thải các-bon của đối tác và thị trường quốc tế; triển khai có hiệu quả hệ thống thông tin thương mại cảnh báo sớm, nhằm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để tránh các vụ kiện bán phá giá, hay các thông tin liên quan khi tiếp cận thị trường xuất khẩu.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Công Thương đẩy mạnh triển khai các giải pháp hỗ trợ hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu và truy xuất nguồn gốc đối với các hàng hóa, nông sản, thực phẩm thiết yếu, tận dụng sức mua của thị trường nội địa.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Khẩn trương cụ thể hóa, thể chế hóa bằng các văn bản quy định cụ thể để tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách, giải pháp được giao tại Kế hoạch này.

b) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 của tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây khó khăn, nhũng nhiễu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp

Kịp thời nắm bắt những phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, những cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức còn gây phiền hà, sách nhiễu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, công việc liên quan đến doanh nghiệp để Ủy ban nhân dân tỉnh chấn chỉnh, xử lý nghiêm, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng và thuận lợi cho doanh nhân, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng quy mô và sản xuất kinh doanh có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng quý, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định; kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan chủ động đề xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

Phụ lục

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 58/NQ-CP NGÀY 21/4/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Kế hoạch số: 193/KH-UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Nhiệm vụ và giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả thực hiện *(sản phẩm)*	Thời gian hoàn thành
A	**Nhóm nhiệm vụ, giải pháp triển khai trong ngắn hạn**				
1	**Khẩn trương tháo gỡ các vướng mắc, rào cản về pháp lý nhằm khơi thông nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh**				
a)	Chủ trì thực hiện rà soát, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, chưa triển khai hoặc đang triển khai chậm tiến độ nhằm khơi thông nguồn lực đầu tư cho sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế; đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư; sớm hoàn thành và đưa sản phẩm ra thị trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổ công tác đặc biệt của UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	Khơi thông nguồn lực, dự án đầu tư sớm hoàn thành đi vào hoạt động, đưa sản phẩm ra thị trường	Năm 2023 và những năm tiếp theo
b)	Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn về pháp lý, thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án bất động sản; tiếp tục giám sát chặt chẽ hoạt động của thị trường bất động sản và việc huy động vốn của các doanh nghiệp bất động sản. Triển khai thực hiện thông tin dự án nhà ở xã hội để phục vụ việc công bố danh mục dự án trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh làm cơ sở để các ngân hàng xem xét cho vay vốn ưu đãi; tổ chức làm việc với các chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh về tình hình thực hiện dự án, khó khăn, vướng mắc, tăng cường công tác quản lý tiến độ các dự án định kỳ hàng quý	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường; Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	Khai thông điểm nghẽn thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh	Năm 2023
c)	Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống giao thông nông thôn vừa phục vụ cho nông nghiệp vừa giúp trao đổi, lưu thông hàng hóa, phát triển và mở rộng vùng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung; đặc biệt các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh kết nối khu vực, tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Sở Xây dựng, Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	Giao thông ngày càng thuận lợi, phục vụ đi lại và lưu thông hàng hóa, sản xuất	Năm 2023 và những năm tiếp theo

d)	Đẩy mạnh và thực hiện quyết liệt các giải pháp khắc phục "thẻ vàng" IUU của Liên minh Châu Âu, bao gồm việc cải tiến quy định ghi nhật ký và số hóa quy trình kiểm tra - cấp xác nhận, chứng nhận khai thác.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Trần Văn Thời; UBND cấp huyện; Các Công ty, doanh nghiệp sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản nước lợ		Năm 2023
	Triển khai thực hiện mô hình xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ			Xử lý 20 tấn phụ phẩm/20 hộ/điểm	Năm 2023
	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về An toàn sinh học trong sản xuất, ương dưỡng cho các kỹ thuật viên tại các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản			Cấp 500 Chứng chỉ/Chứng nhận cho 500 học viên	Đến năm 2025
đ)	Đề xuất, đơn giản hóa tối đa các quy trình hành chính hiện tại hoặc xem xét áp dụng các quy trình xuất, nhập khẩu ưu tiên để hỗ trợ các doanh nghiệp tối ưu thời gian, chi phí ở các khâu thực hiện trong nước nhằm đẩy nhanh quy trình, thủ tục nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu và đẩy nhanh xuất khẩu các sản phẩm nông sản, các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh	Cục Hải quan	Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa	Thường xuyên
e)	Rà soát tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp mà vẫn phải bảo đảm tuyệt đối an toàn;	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan		Thường xuyên
g)	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan rà soát, chấn chỉnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; đặc biệt giảm triệt để việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, một năm không thanh tra kiểm tra quá 01 lần/01 doanh nghiệp hoặc cơ sở	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	Hạn chế thanh tra, kiểm tra nhiều lần trong năm	Năm 2023 và những năm tiếp theo
2	**Hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước**				
a)	Xem xét, đề xuất bố trí kinh phí hàng năm triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp; hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước vốn chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hàng năm
b)	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất để thực hiện Chương trình phục hồi và	Cục Thuế tỉnh	Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chính sách miễn, giảm thuế	Năm 2023

	phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt chính sách miễn, giảm tiền thuế, gia hạn và khoanh nợ thuế				
c)	Công bố giá các loại vật liệu xây dựng phổ biến trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng; thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến thị trường xây dựng để kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		Thường xuyên
d)	Thực hiện các giải pháp bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu thị trường hàng hóa; tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, cạnh tranh không lành mạnh. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường kinh doanh xăng dầu; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Triển khai các chương trình, đề án khuyến công địa phương và quốc gia để hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến áp dụng trong sản xuất.	Sở Công Thương, Cục Quản lý thị trường tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		Thường xuyên
đ)	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tập trung vốn tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh theo chính sách Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
3	**Khắc phục đứt gãy chuỗi cung ứng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước**				
	Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm, liên kết, hợp tác mở rộng các kênh phân phối hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng thương mại điện tử trong tiếp cận thị trường. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan		Thường xuyên

	đến năm 2025 và Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.				
4	**Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tạo cơ hội, ổn định việc làm cho người lao động; đẩy mạnh triển khai chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động**				
a)	Đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động; đào tạo để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp. Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động. Hỗ trợ kết nối thị trường lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước, phát triển các thị trường lao động đặc thù. Tham mưu UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ giải ngân gói hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đào tạo nghề cho lao động trong tỉnh	Năm 2023
b)	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi đối với đối tượng ưu tiên tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện		Năm 2023
B	**Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong trung và dài hạn:**				
1	**Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh**				
a)	Tham mưu triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công tác đặc biệt của UBND tỉnh về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ; Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Đề án cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện		Năm 2023 và các năm tiếp theo
b)	Tham mưu tổ chức gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp định kỳ (Cà phê kết nối doanh nghiệp), tạo điều kiện cho doanh nghiệp gặp gỡ lãnh đạo UBND tỉnh và các sở, ngành nhằm trao đổi, nắm bắt những vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp có giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện		Thứ bảy hàng tuần

c)	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được phê duyệt.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện		Năm 2023 và những năm tiếp theo
2	**Thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp**				
a)	Tổ chức hội thảo, tập huấn và các hoạt động liên kết trao đổi kết nối với các đơn vị, cá nhân tư vấn	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện	Hội thảo, tập huấn	Đến năm 2025
	Tuyên truyền chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng, tin nhắn.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện	Tin, bài	Đến năm 2025
	Tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện	10 doanh nghiệp được tư vấn	Đến năm 2025
b)	Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Kế hoạch và Đầu tư; iPEC; Các cơ quan, đơn vị có liên quan		Năm 2023 và những năm tiếp theo
c)	Hỗ trợ Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng phần mềm nhật ký sản xuất và phần mềm kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND cấp huyện	25 HTX/ CSSX/doanh nghiệp sử dụng	2023
	Xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trường Đại học Khoa học tự nhiên	01 phần mềm quản lý	2024
	Xây dựng hệ thống quản lý chuỗi giá trị nông sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	VNPT Cà Mau	01 phần mềm hệ thống mô hình quản lý chuỗi giá trị nông sản	2025
3	**Hỗ trợ tái cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp 4.0**				

a)	Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực hàng năm triển khai hoạt động hỗ trợ đào tạo, tư vấn khởi nghiệp kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp; nâng cao kỹ năng, chuyển đổi ngành, nghề cho người lao động.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan		Năm 2023 và những năm tiếp theo
b)	Đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động; đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người làm công tác quản lý, đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo; kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản cho lao động nông thôn. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Mau	Đề án đào tạo lao động đến năm 2025	Đến năm 2025
4	**Tăng cường hiệu quả triển khai các chính sách và nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập quốc tế, nắm bắt và đón đầu các xu hướng kinh doanh mới, xu hướng thị trường mới**				
a)	Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 và giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Đến năm 2025
b)	Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, các chương trình, đề án khuyến công. Đẩy mạnh công tác tuyên tuyền phổ biến về hội nhập quốc tế nhất là các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết tới các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh; tận dụng các cơ hội, chính sách ưu đãi trong xuất - nhập khẩu hàng hóa do các hiệp định thương mại, kinh tế mang lại như: CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP,… Thường xuyên liên hệ, thông tin kịp thời đến các doanh nghiệp xuất khẩu về nhu cầu, diễn biến, biến động của thị trường trong và ngoài nước, các tiêu chuẩn, điều kiện của các nước; các quy định của pháp luật về cạnh tranh, chống phá giá,…; phối hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn ứng phó với các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ từ nước ngoài.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Mau		
c)	Triển khai các giải pháp hỗ trợ hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu và truy xuất nguồn gốc đối với các hàng hóa, nông sản, thực phẩm thiết yếu, tận dụng sức mua của thị trường nội địa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương, UBND các huyện, thành phố Mau	Hỗ trợ 13 mô hình/dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	Năm 2023 và những năm tiếp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1432/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/2/2012;

Căn cứ Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Chương trình số 03/CTr-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành chương trình Khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 28/TTr-SCT ngày 28 /7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, chi tiết tại Danh mục kèm theo Quyết định này, nội dung cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ, đề án khuyến công địa phương năm 2024: Danh mục kèm theo.

Về kinh phí thực hiện, giao Sở Công Thương lập dự toán, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình phê duyệt theo quy định hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

2. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, nội dung hoạt động khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng, từ đó, nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Kế hoạch năm 2024 đến các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Cán bộ phụ trách khuyến công cần tích cực và chủ động trong việc tiếp cận các cơ sở công nghiệp nông thôn, nắm bắt nhu cầu thực tế, nguyện vọng để tư vấn và hỗ trợ các cơ sở tiếp cận nguồn vốn từ chính sách khuyến công.

- Hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung các cơ sở có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP, sản phẩm nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, sản phẩm chủ lực của tỉnh,... phù hợp với tiềm năng, lợi thế, khai thác thế mạnh của địa phương.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 1432/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Nội dung nhiệm vụ, đề án	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó		Ghi chú
					Kinh phí khuyến công	Kinh phí đối ứng của đơn vị thụ hưởng	
1	**Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới; ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**			**4.905**	**1.875**	**3.030**	
1.1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm cá cơm hấp tại Công ty TNHH Kinh doanh và Chế biến hàng thuỷ hải sản Quốc Khánh - Ấp 4, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.	Mô hình	1	2.200	700	1.500	điểm b, d khoản 2 Điều 8 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018
1.2	Hỗ trợ đề án nhóm ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Đề án	3	2.705	1.175	1.530	
	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị trong sản xuất tinh dầu tràm, nước cốt nhàu cho 02 đơn vị thụ hưởng: Hộ kinh doanh Huỳnh Khánh Lập ấp Vồ Dơi, xã Trần Hợi và Công ty TNHH SXTM SK NONI ấp Công nghiệp, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời.	Đề án	1	950	420	530	
	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị trong sản xuất thực phẩm cho 02 đơn vị thụ hưởng: Hộ kinh doanh Quách Tệt, số 205-207, Phan Bội Châu, khóm 4, phường 7, thành phố Cà Mau; Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Thành Danh, số 16, khóm 1, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.	Đề án	1	815	335	480	
	Hỗ trợ ứng dụng thiết bị âm sâu trong sản xuất thuỷ hải sản cho 02 đơn vị thụ hưởng: Cơ sở Lưu Văn Minh, khóm 4, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân; Hợp tác xã Sông Đầm, ấp Tân Hiệp, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi.	Đề án	1	940	420	520	

2	**Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hàng thủ công mỹ nghệ; Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hàng thủ công mỹ nghệ; Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, khu vực, quốc gia**			**300**	**300**		
2.1	Tổ chức tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực	Toàn bộ	1	30	30		khoản 8 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC
2.2	Tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong nước	Hội chợ	2	240	240		điểm đ khoản 2 Điều 8 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018
2.3	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm công nghiệp nông thôn trong nước	Hội chợ	2	30	30		
3	**Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói sản phẩm**			**100**	**30**	70	
3.1	Hỗ trợ thuê tư vấn, thiết kế mẫu mã bao bì đóng gói sản phẩm	Sản phẩm	2	100	30	70	điểm i khoản 2 Điều 8 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018
4	**Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp**			**230**	**230**		
4.1	Thực hiện chuyên đề Công Thương phát sóng trên Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	Kỳ	12	150	150		điểm k khoản 2 Điều 8 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018
4.2	Thực hiện cung cấp thông tin về sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu bằng hình thức ấn phẩm	Toàn bộ	1	65	65		
4.3	Hỗ trợ duy trì, phát triển trang thông tin điện tử Trung tâm	Toàn bộ	1	15	15		điểm b khoản 9 Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC

5	**Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công**			**135**	**135**		điểm b khoản 9 Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC
5.1	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và công tác khuyến công, tư vấn phát triển công nghiệp tại các tỉnh	Đoàn	1	75	75		
5.2	Tham dự hội thảo chuyên đề; hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá về hoạt động khuyến công	Hội nghị	2	60	60		
6	**Chi phí quản lý của Sở Công Thương 1,5%**			**40,00**	**40,00**		điểm a khoản 3 Điều 8 Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)			**5.670**	**2.610**	**3.100**	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH CÀ MAU XUẤT BẢN
Địa chỉ: Số 02, Hùng Vương, phường 5, Tp. Cà Mau
Điện thoại: (0290) 3667.888
Email: banbientap@camau.gov.vn
Website: https://congbao.camau.gov.vn